

Số: 01 /2022/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung danh mục công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội cần thu hồi đất và các công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2022 (lần 1)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy  
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính  
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính  
phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính  
phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ  
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy  
hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các  
thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung danh mục công trình,  
dự án phát triển kinh tế - xã hội cần thu hồi đất và các công trình, dự án có sử dụng  
đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm  
2022 (lần 1); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân  
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân tỉnh thông nhất sửa đổi, bổ sung **25** công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội cần thu hồi đất và các công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2022 (lần 1) với tổng diện tích **109,764ha**, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi **04** công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội cần thu hồi đất và các công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, với tổng diện tích **33,024ha**. Trong đó:

a) Sửa đổi **03** công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội cần thu hồi đất và các công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (dưới 10ha) với tổng diện tích **16,654ha**. (Đính kèm Phụ lục I).

b) Sửa đổi **01** công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội cần thu hồi đất và các công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (trên 10ha) với diện tích **16,37ha**. (Đính kèm Phụ lục II).

2. Bổ sung **21** công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội cần thu hồi đất và các công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2022 (lần 1) với tổng diện tích **76,74ha** (trong đó: Diện tích hiện trạng **3,3ha**, đất trồng lúa diện tích **41,73ha** và các loại đất khác diện tích **31,71ha**), cụ thể:

| STT               | Các huyện, thị xã, thành phố | Số lượng công trình, dự án | Diện tích sử dụng đất (ha) |
|-------------------|------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| 1                 | Thành phố Vị Thanh           | 02                         | 17,13                      |
| 2                 | Huyện Vị Thủy                | 02                         | 5,53                       |
| 3                 | Huyện Phụng Hiệp             | 03                         | 16,80                      |
| 4                 | Huyện Châu Thành             | 08                         | 8,33                       |
| 5                 | Huyện Châu Thành A           | 02                         | 13,62                      |
| 6                 | Huyện Long Mỹ                | 02                         | 4,88                       |
| 7                 | Thị xã Long Mỹ               | 02                         | 10,45                      |
| <b>Tổng cộng:</b> |                              | <b>21</b>                  | <b>76,74</b>               |

(Đính kèm Phụ lục III)

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

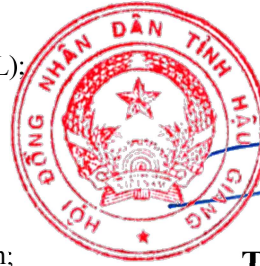
**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 4 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



  
**Trần Văn Huyền**

**PHỤ LỤC I**

**SỬA ĐỔI DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CẦN THU HỒI ĐẤT VÀ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA (DƯỚI 10 HA) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG NĂM 2022 (LẦN 1)**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

| STT                        | Tên công trình, dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Chủ đầu tư                                             | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm |                          |               | Địa điểm thực hiện |
|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------|--------------------------|---------------|--------------------|
|                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                        |                          |                           | Diện tích (ha)      | Sử dụng từ loại đất      |               |                    |
|                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                        |                          |                           |                     | Đất trồng lúa (LUA) (ha) | Đất khác (ha) |                    |
| I                          | Sửa đổi diện tích đất thực hiện dự án và diện tích sử dụng đất trồng lúa công trình, dự án tại số thứ tự 17 Mục A Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang bổ sung danh mục công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng cần thu hồi đất và các công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (dưới 10ha) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2021 (lần 1) |                                                        |                          |                           |                     |                          |               |                    |
| 1                          | Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang                         | 0.722                    | 0.000                     | 0.722               | 0.722                    | 0.000         | Phường Thuận An    |
| II                         | Sửa đổi tên dự án, diện tích đất thực hiện dự án và diện tích sử dụng đất trồng lúa công trình, dự án tại số thứ tự 09 Phần II Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang danh mục công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng cần thu hồi đất và các công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới (10ha) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2020            |                                                        |                          |                           |                     |                          |               |                    |
| 1                          | Khu đô thị mới thị xã Long Mỹ 1, phường Thuận An                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Quang | 14.420                   | 0.000                     | 14.420              | 8.200                    | 6.220         | Phường Thuận An    |
| III                        | Sửa đổi tên và diện tích đất thực hiện dự án tại số thứ tự 24 Phần IV Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang danh mục công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng cần thu hồi đất và các công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới (10ha) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2020                                                                     |                                                        |                          |                           |                     |                          |               |                    |
| 1                          | Cầu dân sinh Lái Hiếu - Đường tỉnh 928B, thị xã Ngã Bảy (nay là thành phố Ngã Bảy)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Kêu gọi đầu tư                                         | 1.512                    | 0.212                     | 1.300               | 0.000                    | 1.300         | Phường Lái Hiếu    |
| Tổng diện tích (I+II+III): |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3                                                      | 16.654                   | 0.212                     | 16.442              | 8.922                    | 7.520         |                    |

**PHỤ LỤC II**

**SỬA ĐỔI DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CẦN THU HỒI ĐẤT VÀ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA (TRÊN 10 HA) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG NĂM 2022 (LẦN 1)**

*(Kèm theo Nghị quyết số     /2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

| STT             | Tên công trình, dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Chủ đầu tư                              | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm |                          |               | Địa điểm thực hiện |
|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------|--------------------------|---------------|--------------------|
|                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                         |                          |                           | Diện tích (ha)      | Sử dụng từ loại đất      |               |                    |
|                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                         |                          |                           |                     | Đất trồng lúa (LUA) (ha) | Đất khác (ha) |                    |
| I               | Sửa đổi tên dự án, diện tích đất thực hiện dự án và diện tích sử dụng đất trồng lúa công trình, dự án tại số thứ tự 10 Phần II Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang danh mục công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng cần thu hồi đất và các công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất  trồng lúa (dưới 10ha) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2020 |                                         |                          |                           |                     |                          |               |                    |
| 1               | Khu đô thị mới thị xã Long Mỹ 2, phường Thuận An                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Công ty Cổ phần Bất động sản Hano - Vid | 16.370                   | 0.000                     | 16.370              | 12.500                   | 3.870         | Phường Thuận An    |
| Tổng diện tích: |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                         | 16.370                   | 0.000                     | 16.370              | 12.500                   | 3.870         |                    |

| STT | Tên công trình, dự án | Chủ đầu tư | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm |                          |               | Địa điểm thực hiện |
|-----|-----------------------|------------|--------------------------|---------------------------|---------------------|--------------------------|---------------|--------------------|
|     |                       |            |                          |                           | Diện tích (ha)      | Sử dụng từ loại đất      |               |                    |
|     |                       |            |                          |                           |                     | Đất trồng lúa (LUA) (ha) | Đất khác (ha) |                    |

## PHỤ LỤC III

**BỔ SUNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CẦN THU HỒI ĐẤT VÀ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA (DƯỚI 10 HA) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG NĂM 2022 (LẦN 1)**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

| STT | Tên công trình, dự án                                                                                                                                                                         | Chủ đầu tư                                                                                 | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm |                          |               | Địa điểm thực hiện                                          |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------|--------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                               |                                                                                            |                          |                           | Diện tích (ha)      | Sử dụng từ loại đất      |               |                                                             |
|     |                                                                                                                                                                                               |                                                                                            |                          |                           |                     | Đất trồng lúa (LUA) (ha) | Đất khác (ha) |                                                             |
| I   | Thành phố Vị Thanh                                                                                                                                                                            | 2                                                                                          | 17.130                   | 0.000                     | 17.130              | 9.600                    | 7.530         |                                                             |
| 1   | Khu đô thị mới Nguyễn Huệ, Phường IV, thành phố Vị Thanh                                                                                                                                      | Lựa chọn nhà đầu tư                                                                        | 12.230                   | 0.000                     | 12.230              | 5.400                    | 6.830         | Phường IV                                                   |
| 2   | Khu đô thị mới cấp khu hành chính thành phố Vị Thanh                                                                                                                                          | Lựa chọn nhà đầu tư                                                                        | 4.900                    | 0.000                     | 4.900               | 4.200                    | 0.700         | Phường III                                                  |
| II  | Huyện Vị Thủy                                                                                                                                                                                 | 2                                                                                          | 5.530                    | 0.000                     | 5.530               | 4.700                    | 0.830         |                                                             |
| 1   | Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn từ Cần Thơ đến Cà Mau (đoạn qua địa bàn tỉnh Hậu Giang) | Theo Công văn số 305/UBND-NCTH ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang | 3.600                    | 0.000                     | 3.600               | 3.600                    | 0.000         | Thị trấn Nàng Mau                                           |
| 2   | Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh Hậu Giang.                                                                                                                          | Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Hậu Giang        | 1.930                    | 0.000                     | 1.930               | 1.100                    | 0.830         | Thị trấn Nàng Mau và xã Vị Thắng                            |
| III | Huyện Phụng Hiệp                                                                                                                                                                              | 3                                                                                          | 16.800                   | 3.300                     | 13.500              | 5.600                    | 7.900         |                                                             |
| 1   | Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 927 (đoạn từ xã Phương Bình đến thị trấn Cây Dương)                                                                                                              | Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Phụng Hiệp                                         | 8.000                    | 3.300                     | 4.700               | 0.100                    | 4.600         | Xã Phương Bình, xã Hiệp Hưng, xã Hòa An, thị trấn Cây Dương |
| 2   | Khu tái định cư thị trấn Cây Dương phục vụ công trình Đường dây 500kV Nhiệt điện Long Phú - Ô Môn                                                                                             | Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh                                                          | 3.800                    | 0.000                     | 3.800               | 2.000                    | 1.800         | Thị trấn Cây Dương                                          |

| STT | Tên công trình, dự án                                                                                                                                                                        | Chủ đầu tư                                                                                 | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm |                          |               | Địa điểm thực hiện |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------|--------------------------|---------------|--------------------|
|     |                                                                                                                                                                                              |                                                                                            |                          |                           | Diện tích (ha)      | Sử dụng từ loại đất      |               |                    |
|     |                                                                                                                                                                                              |                                                                                            |                          |                           |                     | Đất trồng lúa (LUA) (ha) | Đất khác (ha) |                    |
| 3   | Khu tái định cư xã Bình Thành phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn từ Cần Thơ đến Cà Mau (đoạn qua địa bàn tỉnh Hậu Giang)    | Theo Công văn số 305/UBND-NCTH ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang | 5.000                    | 0.000                     | 5.000               | 3.500                    | 1.500         | Xã Bình Thành      |
| IV  | Huyện Châu Thành                                                                                                                                                                             | 8                                                                                          | 8.330                    | 0.000                     | 8.330               | 3.330                    | 5.000         |                    |
| 1   | Nâng cấp mở rộng Trường Mẫu giáo Hòa Mi                                                                                                                                                      | UBND huyện Châu Thành                                                                      | 0.270                    | 0.000                     | 0.270               | 0.000                    | 0.270         | Xã Đông Phước A    |
| 2   | Nâng cấp mở rộng Trường Mẫu giáo Phú Hữu A                                                                                                                                                   | UBND huyện Châu Thành                                                                      | 0.500                    | 0.000                     | 0.500               | 0.000                    | 0.500         | Thị trấn Mái Dầm   |
| 3   | Nâng cấp mở rộng Trường Tiểu học Phú Hữu 4                                                                                                                                                   | UBND huyện Châu Thành                                                                      | 0.070                    | 0.000                     | 0.070               | 0.000                    | 0.070         | Xã Phú Hữu         |
| 4   | Khu tái định cư thị trấn Ngã Sáu phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn từ Cần Thơ đến Cà Mau (đoạn qua địa bàn tỉnh Hậu Giang) | Theo Công văn số 305/UBND-NCTH ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang | 7.290                    | 0.000                     | 7.290               | 3.330                    | 3.960         | Thị trấn Ngã Sáu   |
| 5   | Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Phú Trí                                                                                                                                                        | UBND huyện Châu Thành                                                                      | 0.050                    | 0.000                     | 0.050               | 0.000                    | 0.050         | Xã Phú Tân         |
| 6   | Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Phú Trí A                                                                                                                                                      | UBND huyện Châu Thành                                                                      | 0.050                    | 0.000                     | 0.050               | 0.000                    | 0.050         | Xã Phú Tân         |
| 7   | Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Phú Lễ                                                                                                                                                         | UBND huyện Châu Thành                                                                      | 0.050                    | 0.000                     | 0.050               | 0.000                    | 0.050         | Xã Phú Tân         |
| 8   | Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Phú Lễ A                                                                                                                                                       | UBND huyện Châu Thành                                                                      | 0.050                    | 0.000                     | 0.050               | 0.000                    | 0.050         | Xã Phú Tân         |
| V   | Huyện Châu Thành A                                                                                                                                                                           | 2                                                                                          | 13.620                   | 0.000                     | 13.620              | 11.180                   | 2.440         |                    |
| 1   | Khu đô thị mới - Thị trấn Một Ngàn                                                                                                                                                           | Lựa chọn nhà đầu tư                                                                        | 9.020                    | 0.000                     | 9.020               | 7.940                    | 1.080         | Thị trấn Một Ngàn  |
| 2   | Khu đô thị mới Tân Phú, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A                                                                                                                                 | Lựa chọn nhà đầu tư                                                                        | 4.600                    | 0.000                     | 4.600               | 3.240                    | 1.360         | Thị trấn Cái Tắc   |

| STT                                   | Tên công trình, dự án                                                                                                                                                                          | Chủ đầu tư                                                                                 | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm |                          |               | Địa điểm thực hiện             |
|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------|--------------------------|---------------|--------------------------------|
|                                       |                                                                                                                                                                                                |                                                                                            |                          |                           | Diện tích (ha)      | Sử dụng từ loại đất      |               |                                |
|                                       |                                                                                                                                                                                                |                                                                                            |                          |                           |                     | Đất trồng lúa (LUA) (ha) | Đất khác (ha) |                                |
| VI                                    | Huyện Long Mỹ                                                                                                                                                                                  | 2                                                                                          | 4.880                    | 0.000                     | 4.880               | 0.930                    | 3.950         |                                |
| 1                                     | Trung tâm y tế huyện Long Mỹ                                                                                                                                                                   | Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng và công nghiệp                       | 2.480                    | 0.000                     | 2.480               | 0.000                    | 2.480         | Thị trấn Vĩnh Viễn             |
| 2                                     | Khu tái định cư thị trấn Vĩnh Viễn phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn từ Cần Thơ đến Cà Mau (đoạn qua địa bàn tỉnh Hậu Giang) | Theo Công văn số 305/UBND-NCTH ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang | 2.400                    | 0.000                     | 2.400               | 0.930                    | 1.470         | Thị trấn Vĩnh Viễn             |
| VII                                   | Thị xã Long Mỹ                                                                                                                                                                                 | 2                                                                                          | 10.450                   | 0.000                     | 10.450              | 6.390                    | 4.060         |                                |
| 1                                     | Nhà máy Điện Trấu Hậu Giang                                                                                                                                                                    | Công ty Cổ phần Nhà máy điện trấu Hậu Giang                                                | 9.700                    | 0.000                     | 9.700               | 5.650                    | 4.050         | Phường Thuận An và xã Long Phú |
| 2                                     | Khu đô thị mới thị xã Long Mỹ 2, phường Thuận An (phần diện tích nằm ngoài ranh quy hoạch dự án)                                                                                               | Kêu gọi đầu tư                                                                             | 0.750                    | 0.000                     | 0.750               | 0.740                    | 0.010         | Phường Thuận An                |
| Tổng diện tích (I+II+III+IV+V+VI+VII) |                                                                                                                                                                                                |                                                                                            | 21                       | 76.740                    | 3.300               | 73.440                   | 41.730        | 31.710                         |